

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI,
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2019
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Văn Văn và bà Vũ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thế Trung – Là thư ký của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX–ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST–HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Lê Hồng M – Vắng mặt lần thứ 2.

Cùng địa chỉ: phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2019, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

– Về hôn nhân: Năm 1992 chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng M tự nguyện yêu thương và cưới hỏi theo phong tục tập quán, tại thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị L và anh M sống chung như vợ chồng đến năm 2010, thì chuyển hộ khẩu đến phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai sinh sống từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống, chị và anh M thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không tu chí làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình. Chị và anh M đã sống ly thân

từ năm 2017. Đến nay, chị L không còn tình cảm với anh M nữa, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai cho chị được ly hôn với anh M.

Về nuôi con: Quá trình chung sống chị L và anh M có 02 người con chung là: Cháu Lê Mỹ Linh, sinh năm 1994 và cháu Lê Thị Thùy Dương, sinh năm 1999, cả hai cháu đều đã lớn, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Lê Hồng M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 1992 tại UBND thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng bắt đầu có những mâu thuẫn từ năm 2017, do tính tình không hợp, do đó vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Đến nay, chị L yêu cầu ly hôn, anh M không đồng ý, lý do là anh M vẫn còn tình cảm với chị L và con cái anh chị đều đã lớn.

Về nuôi con: Quá trình chung sống anh M và chị L có 02 con chung như chị L trình bày, cả hai cháu đều đã trưởng thành, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tới các đương sự. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, trong đó: Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, lần vắng mặt này là lần vắng mặt lần thứ 2 của bị đơn. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại **khoản 1 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về hôn nhân: Quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn cho rằng nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tiến hành cưới hỏi theo phong tục địa phương tại thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Để chứng M cho yêu cầu của mình, nguyên đơn đã giao nộp: 02 Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân, theo đó UBND phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai nơi các đương sự sinh sống và UBND thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai nơi tổ chức cưới hỏi, sinh sống của anh chị từ năm 1992 đến năm 2010 đều xác nhận: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng M không có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Về phía bị đơn, anh Lê Hồng M cho rằng, vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, tuy nhiên quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã yêu cầu anh M thu thập, nộp tài liệu chứng cứ chứng M, nhưng anh M không giao nộp theo yêu cầu của Tòa án.

Do vậy, có căn cứ cho rằng: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng M tự nguyện yêu thương và cưới hỏi theo phong tục địa phương rồi về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 tại thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, không có sự đồng cảm chia sẻ với nhau nên chị L và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2017 cho đến nay, hai vợ chồng chị ly thân, không ai còn quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử xác định: Việc sống chung như vợ chồng của chị L, anh M không đăng ký kết hôn từ năm 1992 là trái quy định của pháp luật, không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp pháp. Vì vậy, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh M, chứ không giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị L, và giải quyết hậu quả của việc chung sống như vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 53; Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn có 02 người con chung như các đương sự thừa nhận. Cháu Lê Mỹ Linh, sinh năm 1994 và cháu Lê Thị Thùy Dương, sinh năm 1999 đều đã đủ 18 tuổi, do vậy yêu cầu không giải quyết vấn đề con chung khi cha mẹ ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Điều 9; Khoản 1 Điều 14;** Điều 15; **Khoản 2 Điều 53** của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng M.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000VNĐ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số số 0006098 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (2);
- Chi cục THADS TP. Lào Cai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Phương